

KẾT QUẢ ĐIỂM THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẠC 3/6
KỲ THI NGÀY 27/8/2023

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả		Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
1	B1001	Nguyễn Quang Anh	14/07/1985	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,5	7,0	6,5	5,0	5,5	Đạt		
2	B1002	Đặng Minh Cường	20/02/1988	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	2,0	7,0	6,5	5,0	5,0		Không đạt	
3	B1003	Ngô Thị Cẩm Duyên	21/08/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,5	7,5	7,0	5,0	6,0	Đạt		
4	B1004	Trần Thị Cẩm Duyên	11/09/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,5	6,5	7,0	5,0	5,5	Đạt		
5	B1005	Nguyễn Văn Hà	05/08/1971	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	8,0	6,5	5,5	6,0	Đạt		
6	B1006	Nguyễn Thị Hoa	14/02/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	6,5	7,0	5,5	5,5	Đạt		
7	B1007	Phạm Văn Hồng	06/02/1970	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	2,0	7,0	5,5	4,0	4,5		Không đạt	
8	B1008	Nguyễn Ngọc Hùng	24/08/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,5	6,5	4,0	5,5	Đạt		
9	B1009	Lê Hoàng Khải	21/10/1980	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	8,0	7,0	5,0	6,0	Đạt		
10	B1010	Phạm Thị Nào	18/12/2002	Quảng Ngãi	Nữ	H're	3,5	7,0	7,5	6,0	6,0	Đạt		
11	B1011	Đinh Văn Năm	07/07/1993	Quảng Ngãi	Nam	H're	3,0	7,0	7,0	6,5	6,0	Đạt		
12	B1012	Nguyễn Văn Năm	12/10/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,0	8,0	6,5	6,5	6,5	Đạt		
13	B1013	Trương Phan Thị Kim Ngân	09/08/1971	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,0	8,0	7,0	6,0	6,5	Đạt		
14	B1014	Nguyễn Thị Nguyệt	02/06/1984	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,5	7,0	6,0	6,0	5,5	Đạt		
15	B1015	Phạm Thị Nguyệt	05/11/2002	Quảng Ngãi	Nữ	H're	3,0	8,0	6,0	5,0	5,5	Đạt		
16	B1016	Trần Thị Mỹ Nhân	12/04/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	2,0	7,5	6,0	5,0	5,0		Không đạt	

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả		Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
17	B1017	Nguyễn Nhật	06/08/1969	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,0	7,5	6,5	6,0	6,0	Đạt		
18	B1018	Nguyễn Việt Hoàng Quân	08/02/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,5	5,5	6,0	5,5	Đạt		
19	B1019	Phạm Dạ Quỳnh	04/11/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	7,5	7,0	6,0	6,0	Đạt		
20	B1020	Võ Thị Như Quỳnh	25/11/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,5	7,5	7,0	7,0	6,5	Đạt		
21	B1021	Nguyễn Thị Mỹ Tây	05/02/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	7,5	7,0	7,0	6,0	Đạt		
22	B1022	Phạm Thị Tép	13/12/1993	Quảng Ngãi	Nữ	H're	3,0	7,5	7,0	5,0	5,5	Đạt		
23	B1023	Nguyễn Xuân Tiên	15/11/1969	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,5	7,0	6,0	6,0	Đạt		
24	B1024	Đinh Thị Tiết	12/09/1982	Quảng Ngãi	Nữ	Kdong	2,0	7,0	6,5	6,0	5,5		Không đạt	
25	B1025	Đinh Mai Thanh Tín	23/05/2001	Quảng Ngãi	Nam	H're	3,0	8,0	6,0	5,0	5,5	Đạt		
26	B1026	Lương Văn Tứ	14/01/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,0	6,5	5,0	5,5	Đạt		
27	B1027	Bùi Công Thành	26/05/1982	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,0	8,0	5,0	6,0	6,0	Đạt		
28	B1028	Đinh Tấn Thảo	15/06/1977	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,5	5,5	6,0	5,5	Đạt		
29	B1029	Hà Nguyễn Huy Thế	16/01/1985	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,5	8,0	7,5	6,0	6,5	Đạt		
30	B1030	Võ Thị Thu Thủy	19/02/1978	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,5	8,0	7,0	6,0	6,0	Đạt		
31	B1031	Nguyễn Thị Văn Thư	22/09/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,5	8,0	7,0	6,0	6,0	Đạt		
32	B1032	Nguyễn Thùy Trâm	10/03/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,5	8,0	7,0	7,0	6,5	Đạt		
33	B1033	Ngô Văn Trịnh	31/12/1968	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,5	8,0	7,0	6,0	6,0	Đạt		
34	B1034	Phạm Thị Lệ Trinh	02/02/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,5	8,0	6,5	7,0	6,5	Đạt		
35	B1035	Trương Thị Trinh	31/01/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,5	7,5	7,5	6,0	6,0	Đạt		
36	B1036	Đỗ Đình Vân	10/10/1970	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,5	7,5	7,0	6,0	6,0	Đạt		

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả		Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

Danh sách này có: 36 thí sinh, trong đó số dự thi: 36 thí sinh, số vắng thi: 0 thí sinh.